

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/DS-ST
Ngày 22-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan.
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; trụ sở: 34A-34B H, phường Ph, quận H, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thu Th và/hoặc ông Đạt Quang M; địa chỉ: Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Bình Dương, tầng trệt TTTM Becamex số 230 Đại lộ B, phường Ph, thành phố Th, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền ngày 04/9/2019). Bà Th có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960;
2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971;

Cùng thường trú: Số 158 (số cũ 37B/60) đường Nguyễn Tri Phương, khu phố B, phường A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ông L có mặt, bà C có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Hữu H1, sinh năm 1975;

2/ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973;

Cùng thường trú: Số 36/60 đường Ng, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của ông H1 và bà H2: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1995; thường trú: Xã E, huyện Ea, tỉnh Đ; địa chỉ liên hệ: Số 69 đường số 9, khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019). Có mặt.

3/ Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1986; địa chỉ: 43/20 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4/ Bà Trần Thị H3, sinh năm 1981; địa chỉ: 19/14A khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Thu Th trình bày: Ngày 26/01/2016, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C ký kết hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 210-15/16/VAB/HĐTDTDHCN. Theo hợp đồng này Ngân hàng đã cho ông L, bà C vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 22/5/2017, ông L, bà C ký giấy cam kết về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm với số tiền 13.500.000 đồng nên tổng số tiền ngân hàng giải ngân cho bị đơn vay là 1.013.500.000 đồng; thời hạn vay 5 năm; mục đích vay Mua mua xe ô tô KIA GRAND SEDONA; lãi suất vay 8,5%/năm, lãi suất cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng 13 trở đi lãi suất cho vay được điều chỉnh theo công thức, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động 13 tháng tính lãi cuối kỳ (bậc 2) cộng biên độ 3,5%/năm; phương thức thanh toán gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng. Khoản vay trên được bảo đảm bằng chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA GRAND SEDONA, biển số 61A-267.03 do ông L đứng tên theo hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số 210-15/16/VAB/HĐTCOTO ngày 26/01/2016; Tài sản bảo đảm được đăng ký thế chấp tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Đà Nẵng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Sau khi ngân hàng khởi kiện ngày 24/10/2019 bị đơn đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng bao gồm tiền gốc và tiền lãi đến ngày 19/11/2019. Tại phiên tòa Ngân hàng xác nhận tính đến ngày 19/11/2019 bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền 204.500.000 đồng và yêu cầu bị đơn pH2 thanh toán ngay cho ngân hàng số tiền này. Ông L và bà C còn phải chịu số tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2019 cho đến khi trả hết nợ. Ngân hàng không đồng ý phương án của bị đơn về việc gia hạn thời hạn trả nợ cho bị đơn đến trước ngày 31/12/2019.

Nếu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA GRAND SEDONA, màu đen, số máy D4HBFH696651, số khung RNYH52A6FC070185, biển số 61A-267.03 để đảm bảo thu hồi nợ.

Nguyên đơn xác định không biết ông H1, bà H2 là ai; sự thỏa thuận giữa bị đơn và ông H1, bà H2 ngân hàng không biết, không đồng ý. Ngân hàng khẳng định ký hợp đồng với bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, chủ sở hữu chiếc xe là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C. Mọi quan hệ giữa bị đơn và ông H1, bà H2 là mối quan hệ nằm ngoài hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nên đề nghị các bên tự giải quyết với nhau, nếu không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác, không liên quan trong vụ án này. Do đó, Ngân hàng không đồng ý phương án của người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông H1, bà H2 vì Ngân hàng xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về bị đơn và chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03 là tài sản đang được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho hợp đồng tín dụng. Vì vậy, các đương sự còn lại trong vụ án không được quyền thỏa thuận liên quan đến chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về việc hợp đồng tín dụng, quá trình thanh toán, về hợp đồng thế chấp tài sản. Mục đích vay để mua chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03. Tuy nhiên, giữa vợ chồng ông và ông H1, bà H2 có thỏa thuận về việc vợ chồng ông đứng tên hợp pháp toàn bộ hồ sơ pháp lý để vay ngân hàng cho vợ chồng bà H2, ông H1 mua chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03. Theo đó, sau khi ký kết hợp đồng và nhận xe ông L đã giao chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03 cho ông H1, bà H2 quản lý, sử dụng. Hàng tháng vợ chồng ông H1, bà H2 chuyển tiền vào số tài khoản của ông để Ngân hàng tự động cắt trừ qua số tài khoản. Khi Ngân hàng liên hệ thì vợ chồng ông mới biết được việc ông H1, bà H2 không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận giữa hai bên. Ông đã liên hệ vợ chồng ông H1 bà H2 nhiều lần yêu cầu trả tiền cho ngân hàng nhưng không có kết quả. Thỏa thuận giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông H1, bà H2 không được lập thành văn bản, không có sự đồng ý của Ngân hàng. Do đó, sự thỏa thuận này nằm ngoài hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp ông đã ký với ngân hàng. Bản thân ông biết rõ trách nhiệm pháp lý của mình khi đặt bút ký vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với ngân hàng trong trường hợp ông H1 và bà H2 không chịu thực hiện cam kết trả nợ thì vợ chồng ông phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Ông khẳng định hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với ngân hàng là hợp đồng hợp pháp, tự nguyện ký kết không phải là hợp đồng giả tạo để che đậy bất kỳ giao dịch khác. Quá trình giải quyết vụ án ông đã nhận lại chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03 từ ông Nguyễn Văn H2 và hiện nay ông đang là người quản lý, sử dụng. Ngày 24/10/2019, ông L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/11/2019. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông chưa thanh toán số tiền còn lại cho ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông tiếp tục trả số tiền nợ gốc còn lại 204.500.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 20/11/2019 trở đi thì ông đồng ý. Tại phiên tòa ông đề nghị Ngân hàng gia hạn thời gian trả nợ đến trước ngày 31/12/2019 nhưng không được Ngân hàng đồng ý.

Nếu không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA GRAND SEDONA, màu

đen, số máy D4HBFH696651, số khung RNYH52A6FC070185, biển số 61A-267.03 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa ông không đồng ý phương án của người đại diện hợp pháp của ông H1, bà H2 về việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông và Ngân hàng trong thời hạn 45 ngày, đồng thời yêu cầu ông giao xe cho ông H1, bà H2. Ông khẳng định nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là của vợ chồng ông; chiếc xe là tài sản đang được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên ông không đồng ý giao xe. Đối với số tiền ông đã thanh toán cho Ngân hàng và những nghĩa vụ khác buộc ông phải thực hiện phát sinh sau khi có bản án, quyết định của Tòa án thì giữa ông và ông H1, bà H2 sẽ tự thỏa thuận với nhau. Trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị C thống nhất toàn bộ ý kiến của ông Nguyễn Văn L. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý. Trường hợp không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông Lê Hữu H1 và bà Nguyễn Thị H2 là bà Trần Thị Th trình bày: Năm 2016, ông H1 và bà H2 nhờ vợ chồng ông L, bà C đứng tên vay hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp để mua chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03. Ông H1, bà H2 là người thanh toán tiền mặt hơn 400.000.000 đồng để mua xe và sau khi ký hợp đồng tín dụng vay tiền và hợp đồng thế chấp tài sản thì ông L đã giao xe cho vợ chồng ông H1, bà H2 sử dụng. Hàng tháng vợ chồng ông H1, bà H2 có trách nhiệm thanh toán số tiền vay cho ngân hàng bằng cách chuyển tiền vào số tài khoản của ông L để ngân hàng tự căn trừ. Như vậy hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp giữa ông L và Ngân hàng là hợp đồng giải tạo vì mục đích ký hợp đồng là để cho ông H1, bà H2 mua và sử dụng tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03. Do vậy, với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông H1 và bà H2 có ý kiến như sau: Sau khi ngân hàng khởi kiện ông L đã trả cho ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ số tiền là 204.500.000 đồng thì ông H1, bà H2 đồng ý. Ông H1, bà H2 xác định có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền còn lại là 204.500.000 đồng; trả cho bị đơn số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, ông H1, bà H2 không thể thanh toán ngay mà đề nghị thanh toán trong thời hạn 45 ngày. Đồng thời yêu cầu bị đơn giao xe cho ông H1, bà H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H2 trình bày: Ông là người giữ gìn chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA GRAND SEDONA, màu đen, số máy D4HBFH696651, số khung RNYH52A6FC070185, biển số 61A-267.03 từ ông Lê Hữu H1 nên trong vụ án này ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì. Ông đồng ý giao chiếc xe cho ông Nguyễn Văn L quản lý, sử dụng để đảm bảo việc thi hành án. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H3 trình bày: Giữa bà H3, ông H1 và bà H2 có cam kết về việc ông H2, bà H1 dùng chiếc xe ô tô biển số 61A-

267.03 để cân trừ nợ cho bà H3 với số tiền 500.000.000 đồng. Bà H3 không biết chiếc xe là do ông Nguyễn Văn L đứng tên và hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP V. Do đó, trong vụ án này bà không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì. Trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa bà và ông H1, bà H2 thì các bên sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:
Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án ông H1, bà H2 được Tòa án triệu tập, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, lời khai và đơn yêu cầu độc lập nếu có nhưng ông bà không có ý kiến gì. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông H1, bà H2 mới có yêu cầu độc lập nên không có căn cứ xem xét trong vụ án này. Căn cứ khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Lê Hữu H1, bà Nguyễn Thị H2 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định yêu cầu bị đơn trả số tiền 204.500.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 20/11/2019. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2, bà Trần Thị H3 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà C, ông H2 và bà H3.

[1.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2019 là 593.165.518 đồng, trong đó: Vốn gốc 505.659.428 đồng; tiền lãi trong hạn 52.253.373 đồng; phạt lãi 5.810.487 đồng; phạt vốn 29.442.231 đồng. Ngày 24/10/2019 ông Nguyễn Văn L đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi đến 19/11/2019. Theo đó, tại phiên tòa ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại 204.500.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện và theo hướng có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 210-15/16/VAB/HĐTDTDHCN ngày 26/01/2016 được Ngân hàng và ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, ông L và bà C có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ trách nhiệm pháp lý khi ký kết hợp đồng nên có hiệu lực bắt buộc và các bên pH2 thực hiện. Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C vay số tiền 1.013.500.000 đồng. Ông L, bà C phải trả tiền gốc và lãi hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện. Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử bị đơn đã thanh toán thêm cho ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và tiền lãi đến ngày 19/11/2019, số tiền còn lại 204.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác định thỏa thuận liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà bị đơn đã ký với ngân hàng giữa bị đơn với ông H1, bà H2 là thỏa thuận nằm ngoài hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với ngân hàng. Bị đơn là người đứng tên trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nên mọi trách nhiệm pháp lý phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên bị đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là hợp đồng giả tạo là không có cơ sở. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền phát sinh theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 210-15/16/VAB/HĐTDTDHCN ngày 26/01/2016 với số tiền 204.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2019 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải hình thành trong tương lai (của khách hàng) số 210-15/16/VAB/HĐTCOTOO ngày 26/01/2016 được ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C ký kết với Ngân hàng TMCP V (VAB) - Chi nhánh Bình Dương đối với chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03 là hợp đồng thể hiện sự tự nguyện của các bên, không trái đạo đức, không trái pháp luật và tuân thủ quy định về hình thức nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Về ý chí của các bên, theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 1 của hợp đồng quy định: *“Bên thế chấp đồng ý thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải (PTVT) hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với VAB (bên nhận thế chấp) bao gồm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản pH2 trả, chi phí xử lý tài sản thế chấp và các khoản phí, chi phí khác) theo: Hợp đồng tín dụng số 210-15/16/VAB/HĐTDHCN ngày 26/01/2016”*. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bên thế chấp là ông L, bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dẫn đến việc Ngân hàng TMCP V chấm dứt cho vay, thu nợ trước hạn và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tại khoản 4 Điều 5 Hợp đồng thế chấp quy định: *“Bên thế chấp không được sử dụng xe ô tô/PTVT để thế chấp hoặc bảo đảm cho nghĩa vụ khác; không được bán, trao đổi, tặng cho, góp vốn hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với xe ô tô/PTVT, trừ trường hợp có văn bản đồng ý của VAB”*. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03 là

ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C. Ông Nguyễn Văn L khẳng định ông là người trực tiếp nhận chiếc xe, việc ông giao xe cho người khác sử dụng không được sự đồng ý của bên nhận thế chấp tài sản là Ngân hàng. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có chứng cứ chứng minh ông H1, bà H2 là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe, ý kiến của người đại diện hợp pháp của ông H1, bà H2 không được nguyên đơn và bị đơn chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng TMCP V là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu H1, bà Nguyễn Thị H2 là bà Trần Thị Th xác định ông H1, bà H2 có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền 204.500.000 đồng; trả cho bị đơn số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C giao xe chiếc xe ô tô biển số 61A-267.03 cho ông H1, bà H2. Yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là yêu cầu độc lập trong vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông H1, bà H2 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, cung cấp lời khai, nếu việc giải quyết vụ án có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông, bà thì ông, bà có quyền làm đơn yêu cầu độc lập và gửi cho Tòa án theo quy định. Nhưng cho đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập từ ông H1, bà H2. Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu độc lập của ông H1, bà H2 tại phiên tòa không được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết trong vụ án này. Căn cứ khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, thì ông H1, bà H2 có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Đối với số tiền bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng và những nghĩa vụ khác buộc bị đơn phải thực hiện phát sinh sau khi có bản án, quyết định của Tòa án thì giữa bị đơn và ông H1, bà H2 sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Bà Trần Thị H3 xác định bà không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C. Trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa bà và ông Lê Hữu H1, bà Nguyễn Thị H2 thì các bên sẽ tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 73; khoản 2 Điều 201 và các Điều 26, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị C về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc là 204.500.000 (hai trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Tiền lãi kể từ ngày 20/11/2019 trở đi được tiếp tục tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 210-15/16/VAB/HĐTDTDHCN ngày 26/01/2016 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA GRAND SEDONA, màu đen, số máy D4HBFH696651, số khung RNYH52A6FC070185, biển số 61A-267.03 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô/phương tiện vận tải hình thành trong tương lai số 210-15/16/VAB/HĐTCOTO ngày 26/01/2016; đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Đà Nẵng để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 10.225.000 (mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 13.540.000 (mười ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029087 ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân